

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Thị Khánh Nhung

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐỨC LÂM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Đặng Thị Khánh Nhung
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Thị Khánh Nhung

Mã SV: 1112401256

Lớp: QT1601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.

- Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2015

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Đặng Thị Khánh Nhung

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2015). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. **Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bằng số:

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn*Ths. Nguyễn Thị Mai Linh*

CHƯƠNG I
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh thu và chi phí là hai điều mà các doanh nghiệp luôn đặt sự quan tâm lên hàng đầu. Bởi lẽ doanh thu và chi phí là 2 yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Cuối mỗi kỳ kinh doanh, kế toán sẽ tổng kết doanh thu và chi phí cuối kỳ từ đó tổng kết được lợi nhuận mà doanh nghiệp đạt được, và như vậy sẽ so sánh với các kỳ kinh doanh khác sẽ đánh giá được tình hình hoạt động của doanh nghiệp đang phát triển theo hướng tích cực hay tiêu cực. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ đưa ra được giải pháp tốt nhất cho doanh nghiệp của mình để doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

Đồng thời doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến các khoản chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Như vậy việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc kinh doanh của công ty.

1.1.2 Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2.1 Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

❖ Doanh thu bán hàng

➤ *Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:*

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ *Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.*

+ Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

✧ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

➤ Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

✧ Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ *Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:*

- Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp): thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

➤ *Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:*

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ *Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

❖ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2 Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

- + *Phương pháp bình quân gia quyền:* giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.
- + *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):* áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần

thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

- + Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.
- + *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3 Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{bán hàng} \\ \text{và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array}$$

+ **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} - \text{Doanh thu hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} - \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để phát huy được vai trò của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Tính toán phản ánh chính xác, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, khách hàng, đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập phát sinh trong kỳ.

- Lập báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời, cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để tăng lợi nhuận.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Bên Nợ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911: “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

Bên Nợ

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán;
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Kết cấu tài khoản 333

Bên Nợ

- Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.
- Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

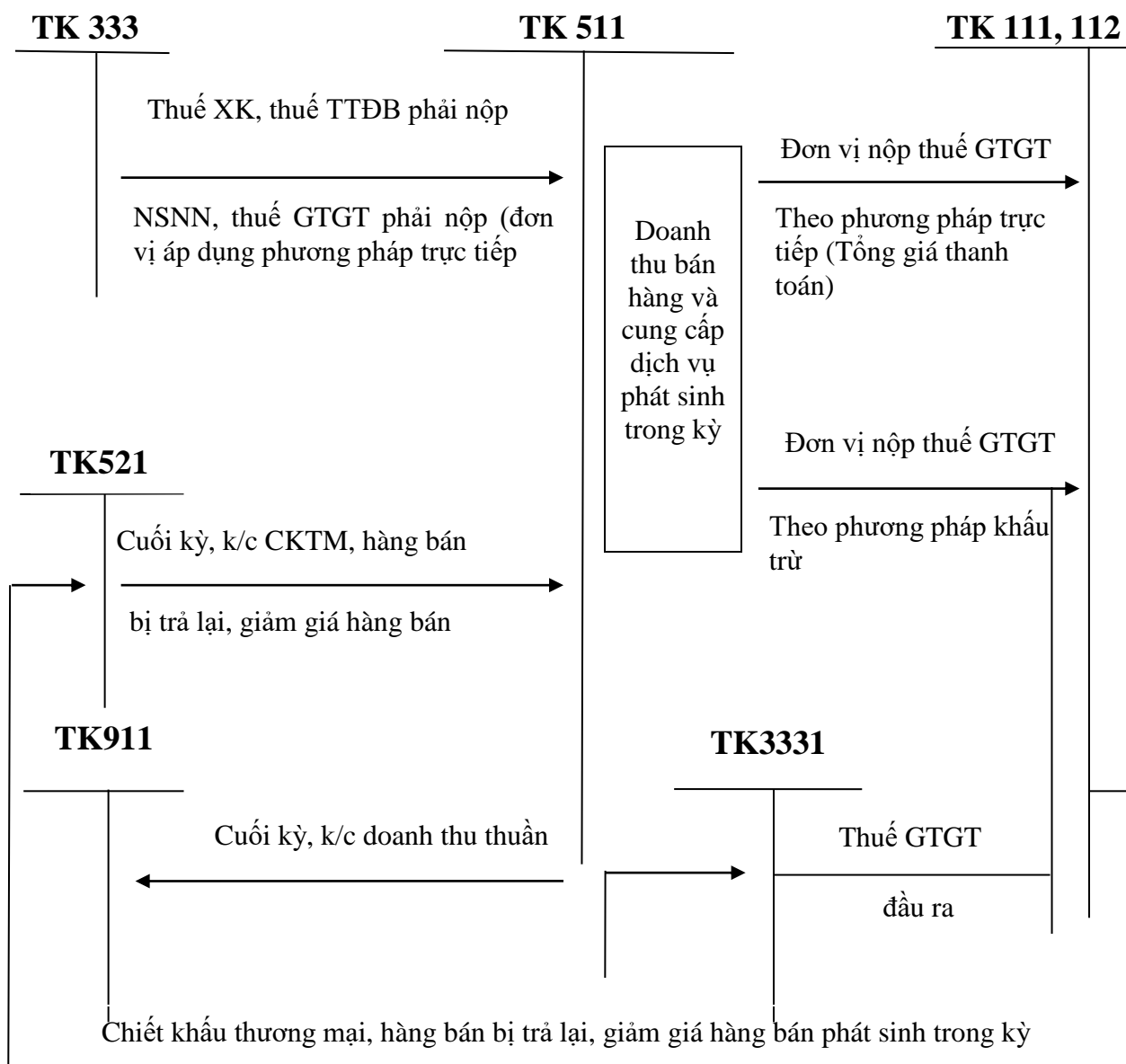
Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu;

- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thu đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua **sơ đồ 1.1** như sau



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

- Dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

*** Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

Bên Nợ

+ Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ.

+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

*** Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

Bên Nợ:

+ Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

+Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

Bên Nợ

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 - Thành phẩm.

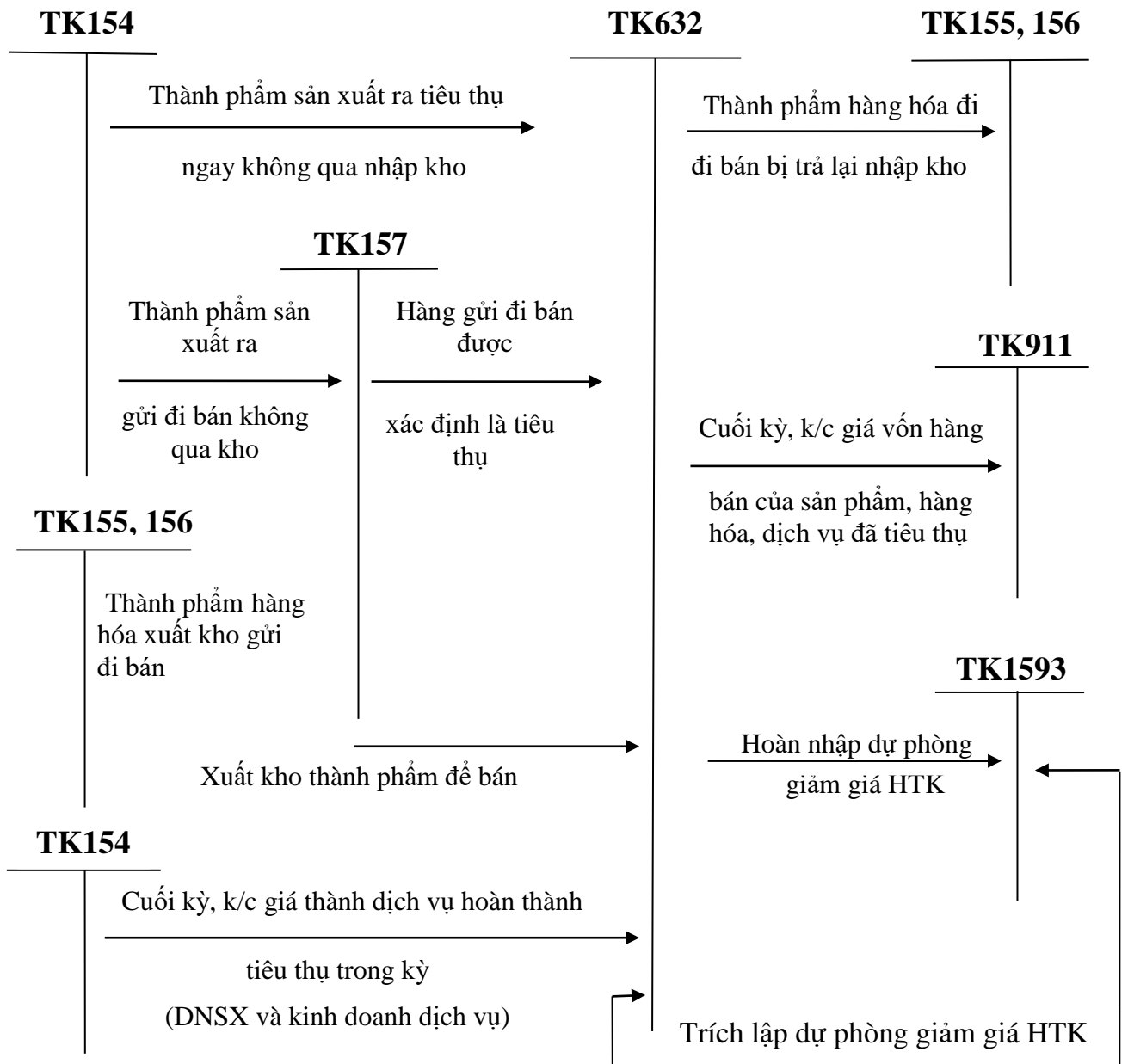
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

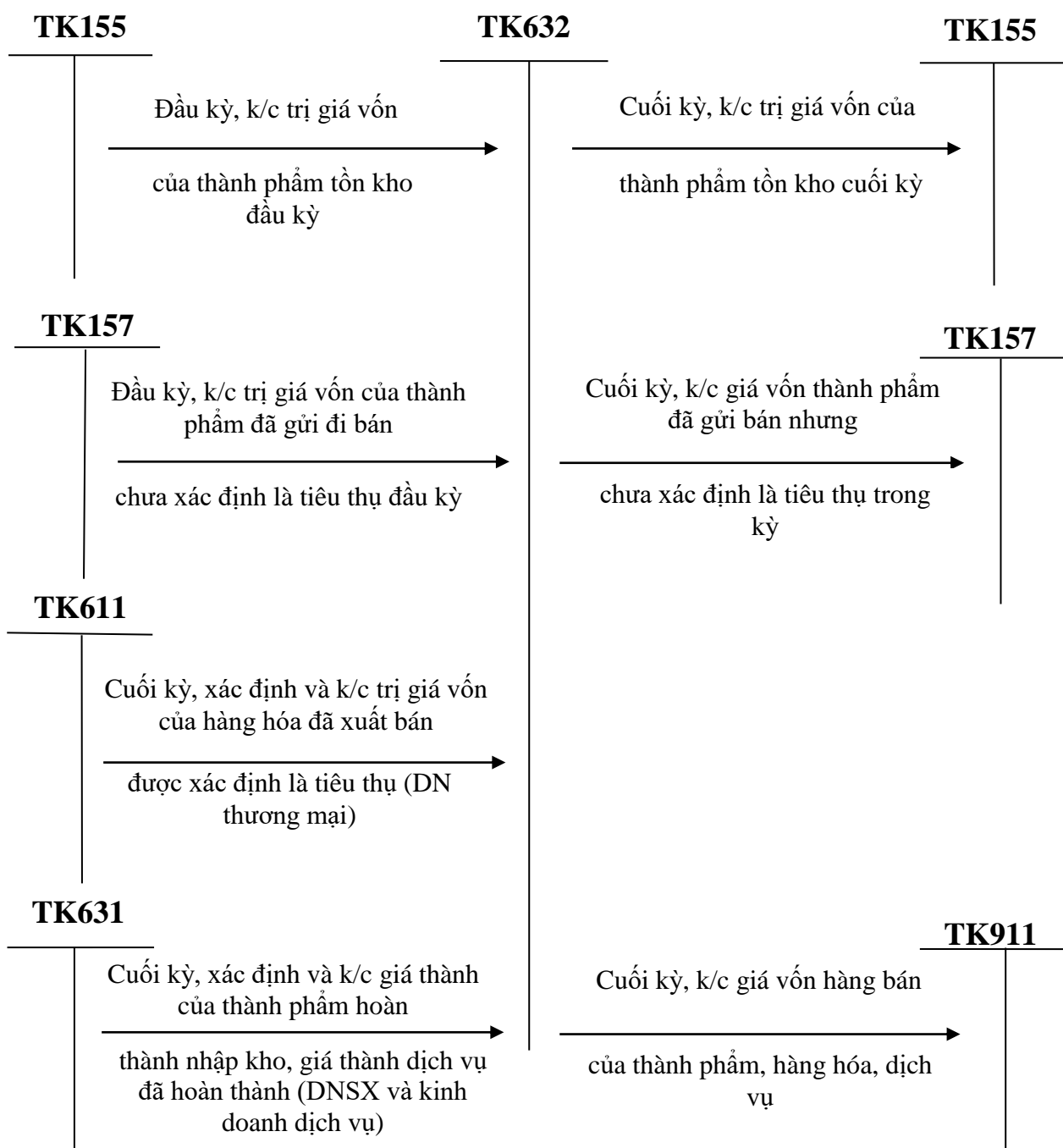
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán giá vốn bán hàng theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có (giấy báo lãi)
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Bên Nợ

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản 635

Bên Nợ

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

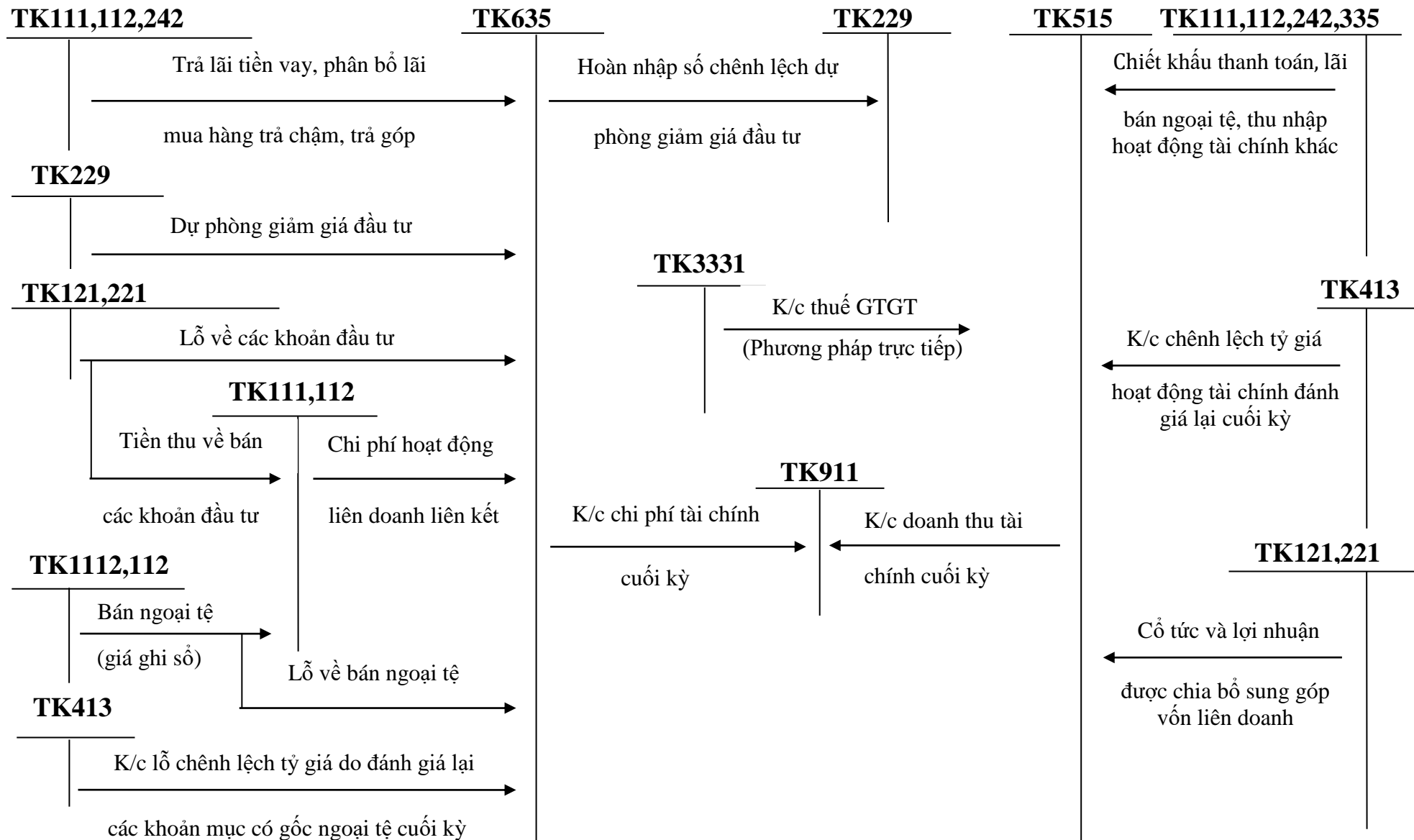
➤ ***Bên Có***

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Kết cấu tài khoản 642

Bên Nợ

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

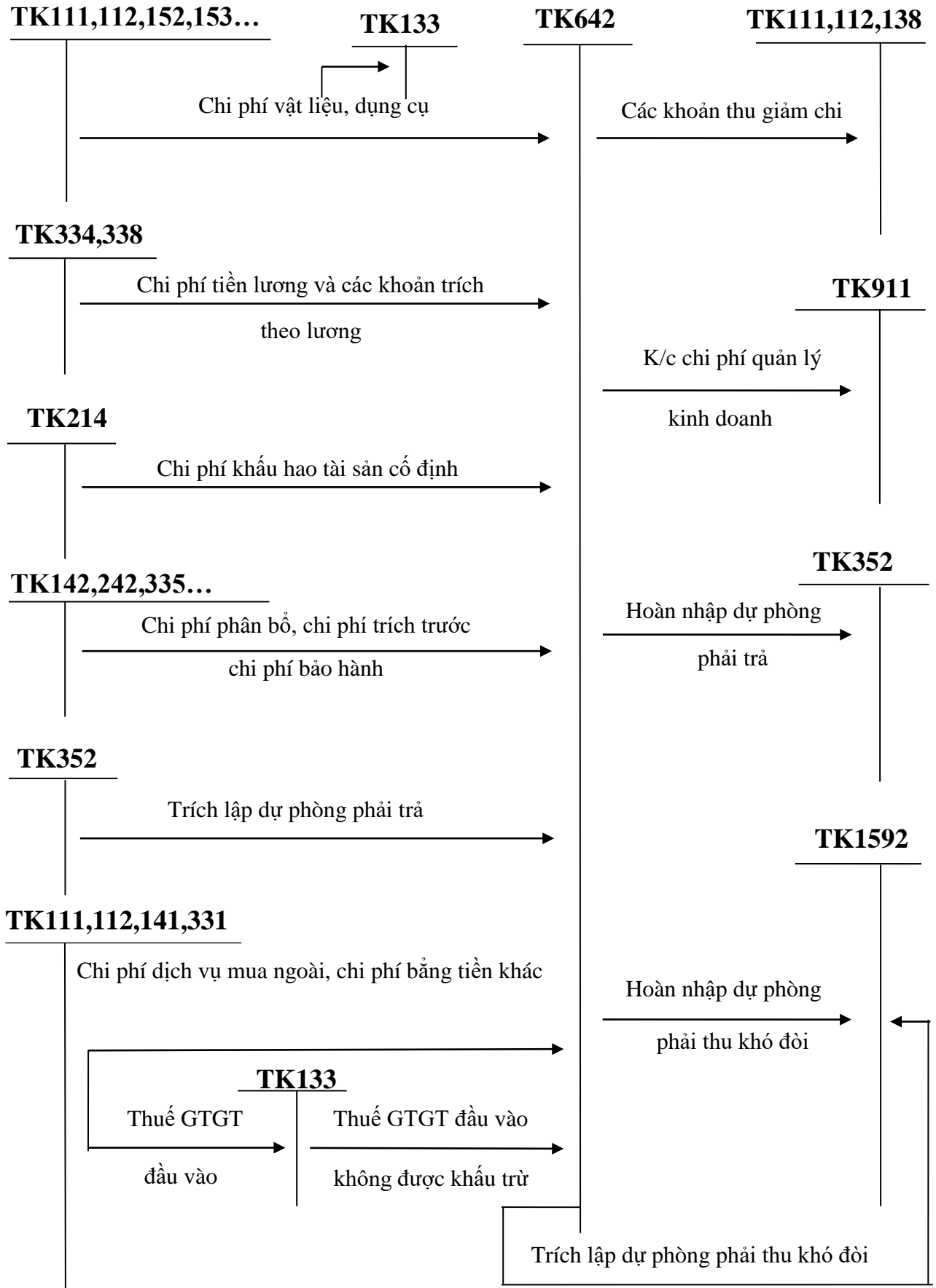
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

TK 642 có 2 TK cấp 2:

- TK 6421-Chi phí bán hàng
- TK 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Bên Nợ

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 - Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811

Bên Nợ

- Các khoản chi phí khác phát sinh

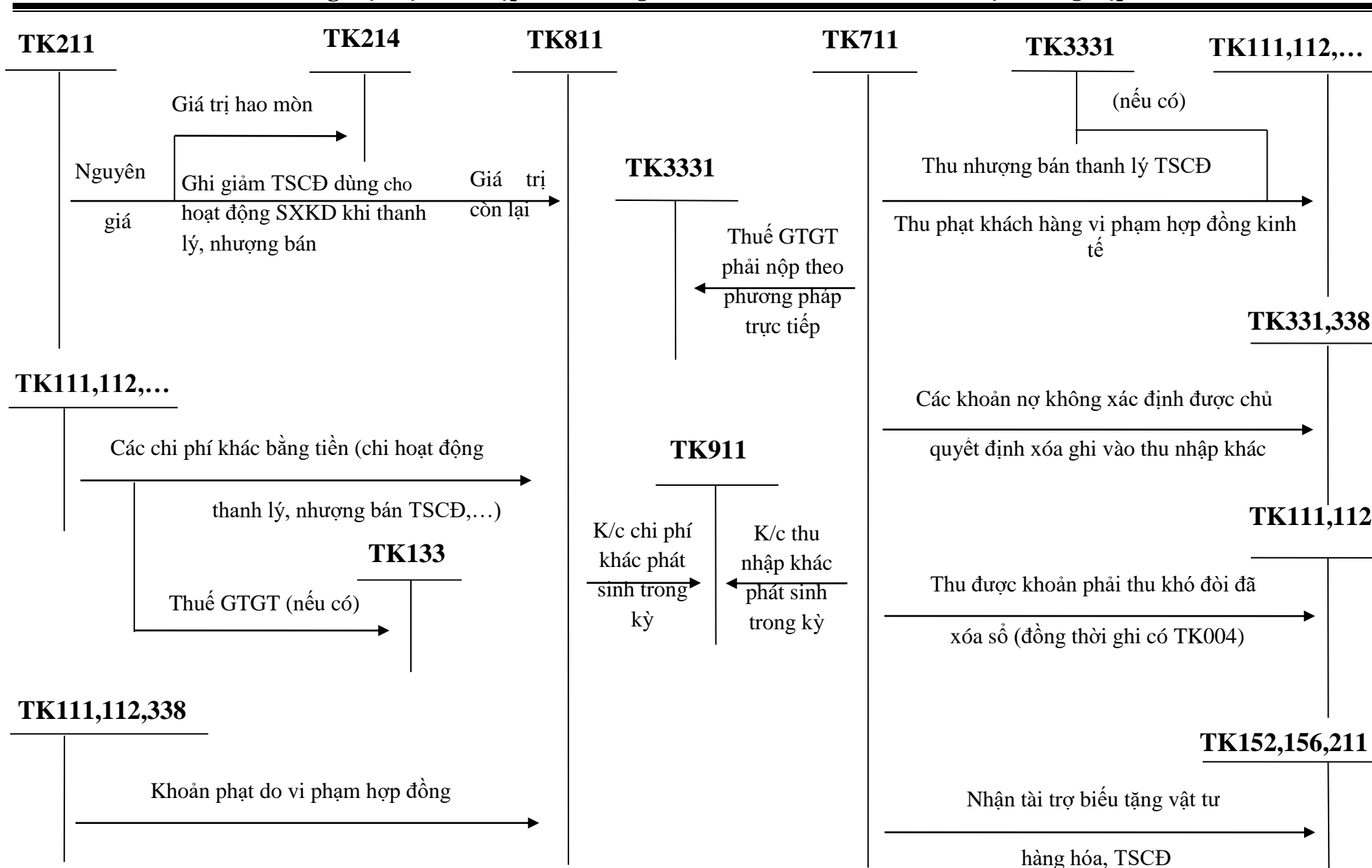
Bên Có

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản 911

Bên Nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

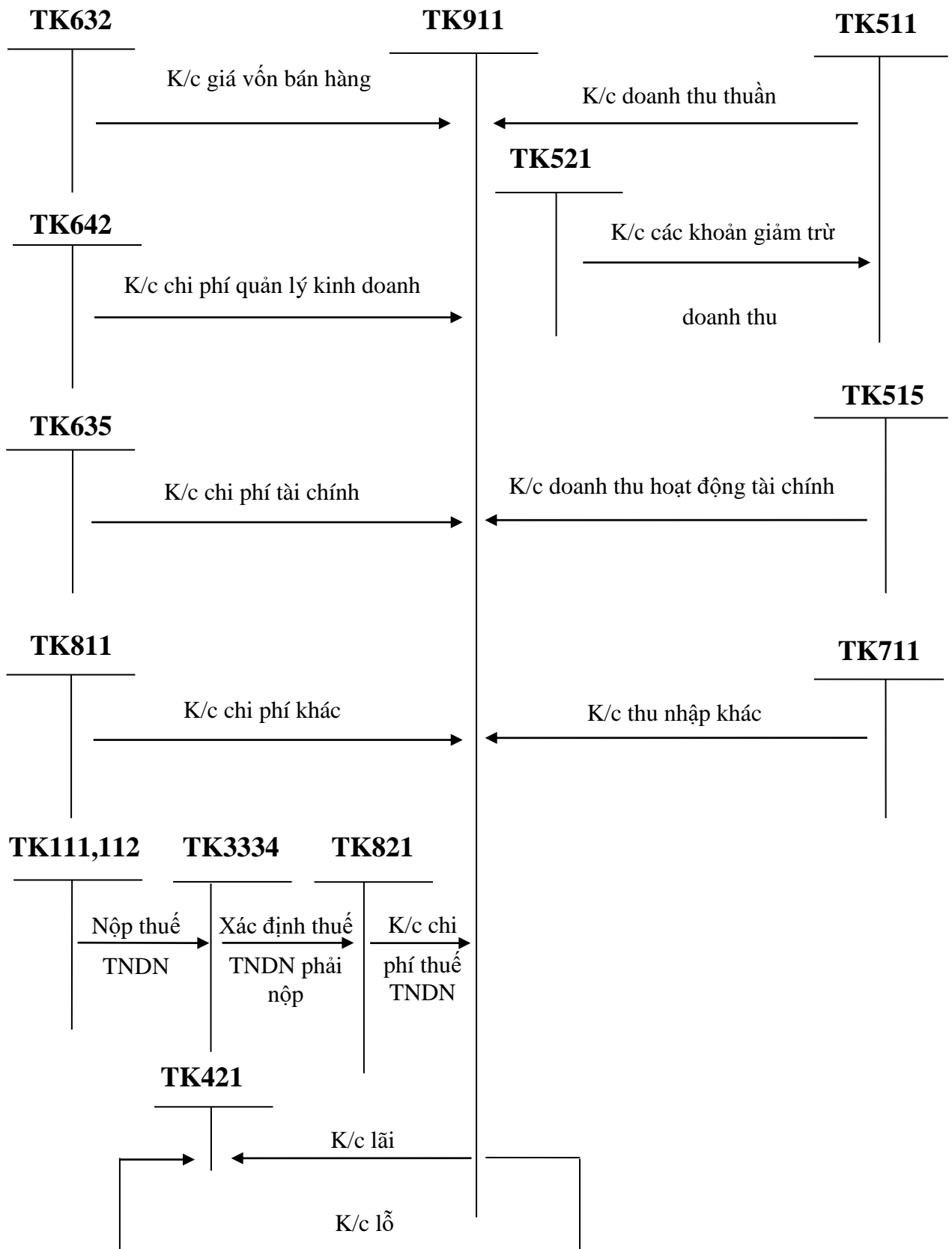
Bên Có

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

- Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi Sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

+ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt

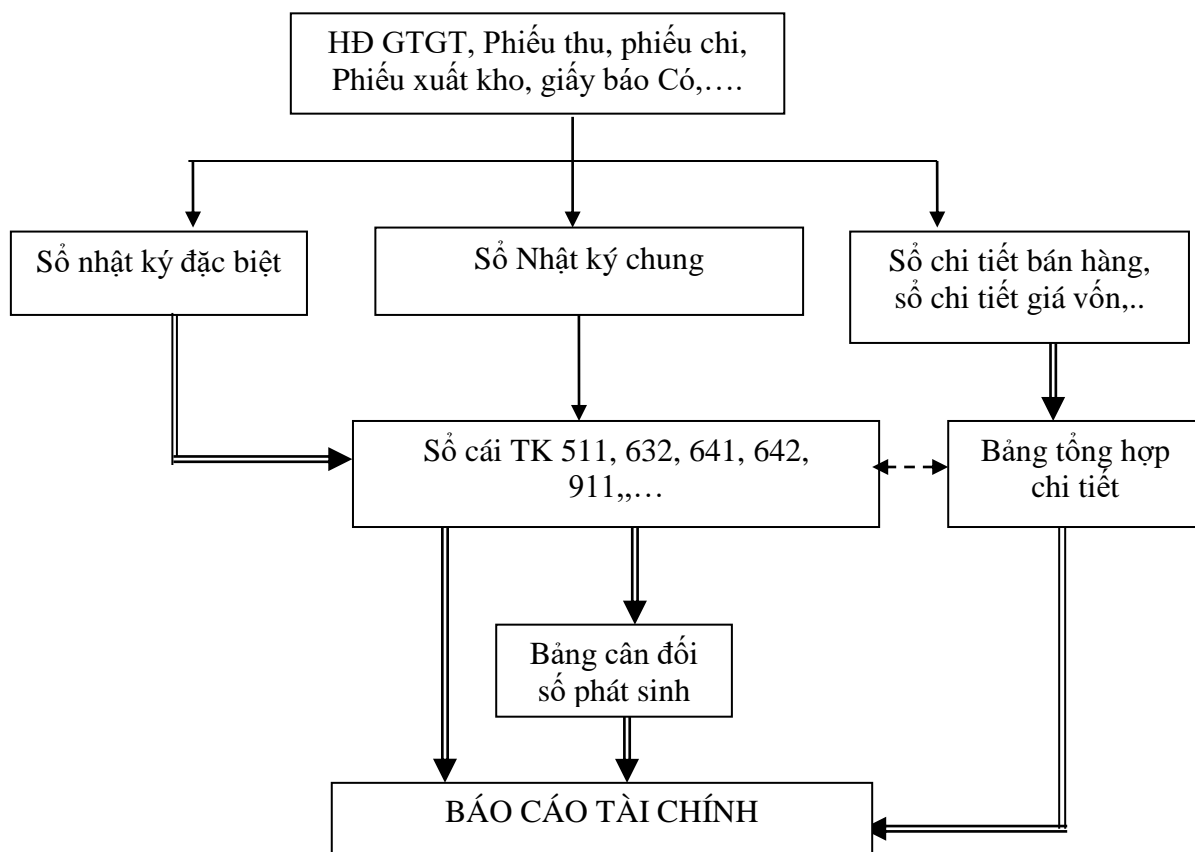
+ Sổ Cái;

+ Sổ, thẻ chi tiết;

1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====→
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

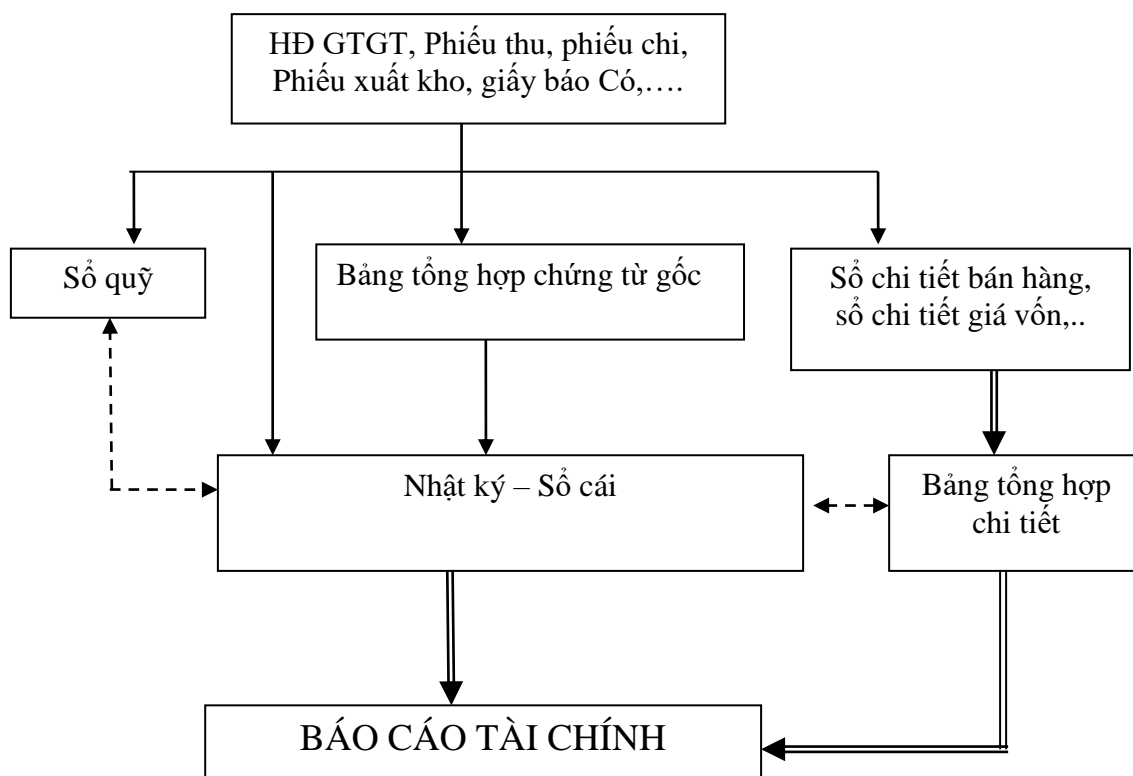
- Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp kế toán cùng loại;

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:
 - + Nhật ký – Sổ cái;
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái. Số

liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái. Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <--->

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- Sổ cái

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

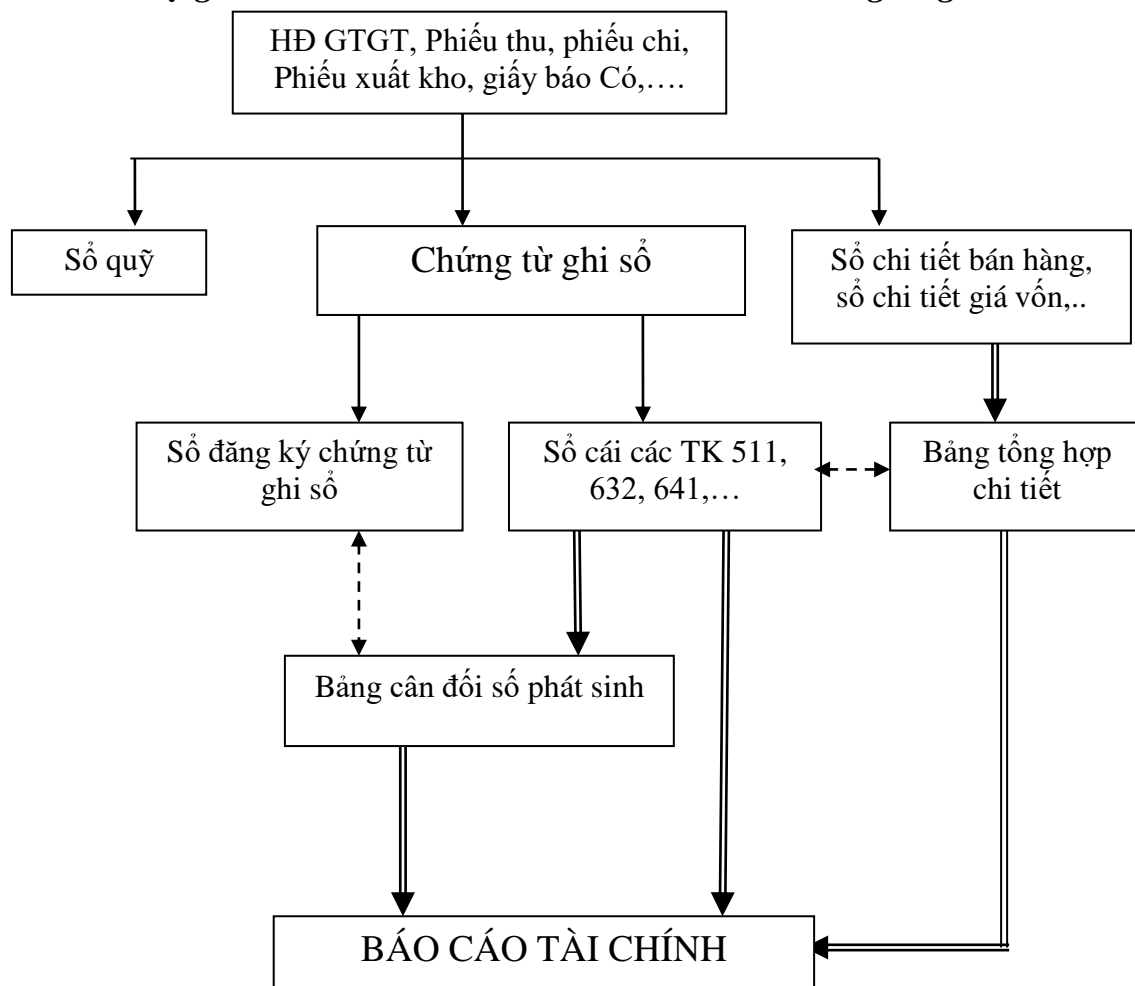
- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung trên sổ cái
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được

đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : =====>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra : <----->

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

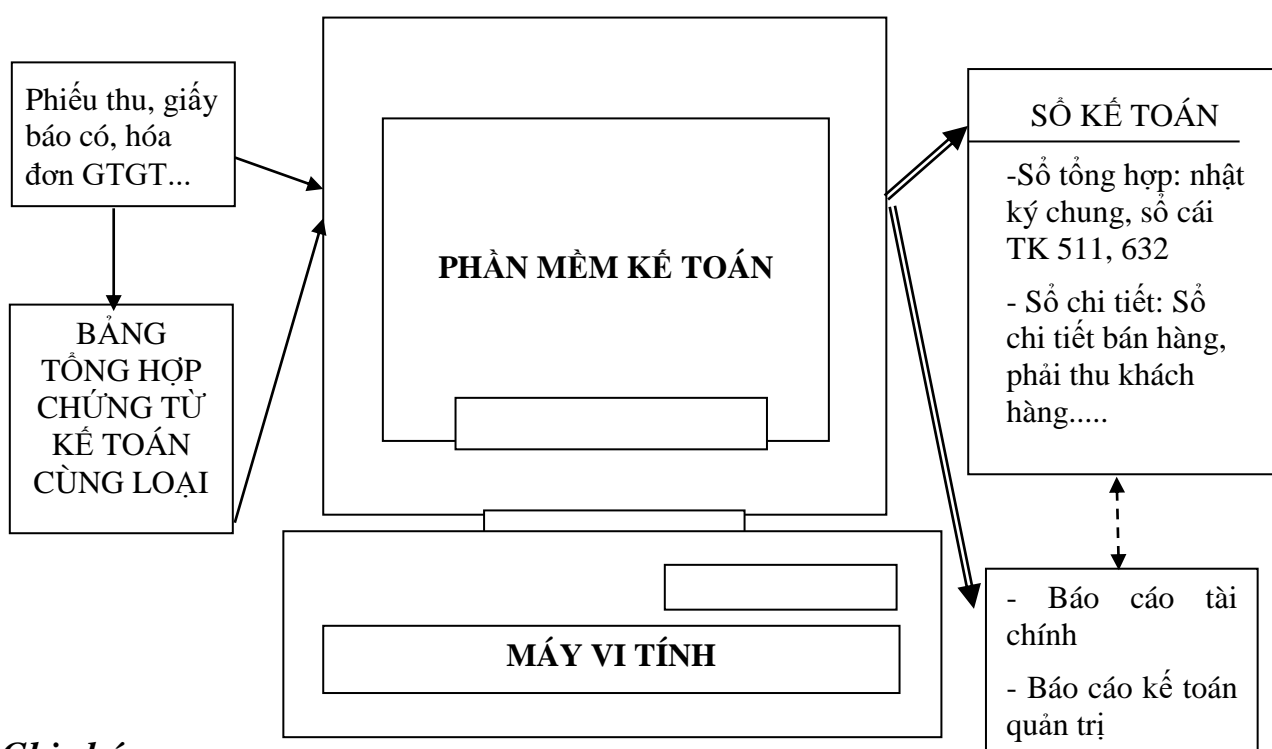
1.3.4 Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi tay.

1.3.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇨

*** Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế cho Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của BTC. Theo Điều 1 (Đối tượng áp dụng) của thông tư 200, thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư này để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình. Sau đây em xin nêu một số điểm khác biệt giữa thông tư 200 và quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

-Về phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: thông tư 200 bỏ phương pháp nhập sau xuất trước và bổ sung 1 kỹ thuật mới xác định giá trị hàng tồn kho đó là phương pháp giá bán lẻ.

-Về hình thức kế toán: theo thông tư 200, tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán và biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

-Về tài khoản kế toán:

- Khi hạch toán các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, theo Thông tư 200 kế toán sử dụng TK 641 - *Chi phí bán hàng* và TK 642 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp* trong khi theo Quyết định 48 thì 2 khoản chi phí này được theo dõi trên TK 642 - *Chi phí quản lý kinh doanh*
- Khi hạch toán các khoản dự phòng phải thu khó đòi theo Quyết định 48 kế toán sử dụng TK 159 - *Các khoản dự phòng* nhưng ở Thông tư 200 bỏ TK 159 và hạch toán các khoản dự phòng trên TK 229 - *Dự phòng tổn thất tài sản*.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐỨC LÂM

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐỨC LÂM
- Trụ sở: Số 5- Kiến Thiết- Sở dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng
- Điện thoại: 0313540643
- Mã số thuế: 0200731737

Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm được thành lập vào năm 2007, là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập.

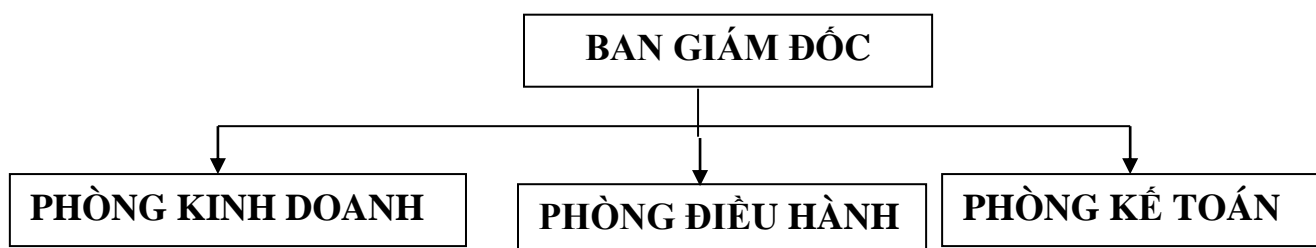
Bất kỳ doanh nghiệp nào khi mới thành lập cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc từ việc tìm đối tác kinh doanh, nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế,... Trong điều kiện kinh tế hiện nay, công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm cũng gặp không ít khó khăn trong việc kinh doanh. Tuy nhiên, công ty có một số lợi thế nhất định. Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm là một doanh nghiệp có thương hiệu khá nổi trong ngành vận tải. Hơn nữa, ngành dịch vụ vận tải cũng là một lĩnh vực đang được chú trọng và phát triển. Nắm bắt được tầm quan trọng và sự phát triển của nền kinh tế, ngay từ khi thành lập công ty đã xác định được mục tiêu và chiến lược phát triển nhằm đạt được những thành công nhất định.

• Ngành nghề hoạt động của công ty:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm là một doanh nghiệp nhỏ nên bộ máy phòng ban có cấu trúc khá đơn giản. Sơ đồ sau thể hiện cụ thể tổ chức bộ máy của công ty :



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý công ty

Chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc công ty:

*** Ban giám đốc:**

- Giám đốc: là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền với cấp dưới và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh, tiến hành kiểm tra giám sát, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

- Phó giám đốc: là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, rồi từ đó tham mưu cho giám đốc xây dựng các phương án kinh doanh, và thay giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán để đảm bảo cho việc kinh doanh của công ty đạt hiệu quả ngày càng cao.

*** Phòng kinh doanh:**

- Chức năng : Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương án và kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được giám đốc phê duyệt và quyết định. Tổng hợp chính xác kịp thời các hoạt động kinh doanh để xây dựng kế hoạch tiếp theo và lập báo cáo định kỳ. Thay mặt công ty quan hệ với các đối tác để tạo lợi nhuận cao cho công ty. Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Cụ thể phòng kinh doanh có nhiệm vụ:

+ Tổng hợp, hoàn thiện kế hoạch trong năm của công ty để giao cho các bộ phận lập báo cáo định kỳ để phản ánh tình hình kết quả kinh doanh của công ty.

+ Phân tích các khả năng hoạt động kinh doanh vận tải hiện tại , tìm hiểu để đưa ra các phương án cung cấp dịch vụ tốt hơn, đồng thời đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, tìm những khách hàng mới, thị trường mới tiềm năng, tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

*** Phòng điều hành:**

Phòng điều hành có chức năng điều hành và phân phối các phương tiện vận chuyển hàng hóa.

*** Phòng kế toán:**

- Nhiệm vụ:

+ Thu thập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

+ Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, đồng thời có nghĩa vụ thu nộp, thanh toán các khoản nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

+ Cung cấp thông tin số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

+ Lập và phân tích các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Thực hiện công tác quản lý tài chính của công ty, tổ chức mô hình hạch toán và thực hiện toàn bộ công tác thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán của doanh nghiệp. Tham mưu và tham gia điều hành hoạt động sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh theo phương án nhằm bảo tồn và phát triển vốn. Tổ chức thực hiện công tác kế toán của doanh nghiệp theo lệnh kế toán thống kê của Nhà nước.

+ Thực hiện nhiệm vụ và nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với Nhà nước, cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đề xuất các biện pháp nhằm thúc đẩy và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xây dựng quy trình và kiểm tra thực hiện việc luân chuyển chứng từ trong doanh nghiệp.

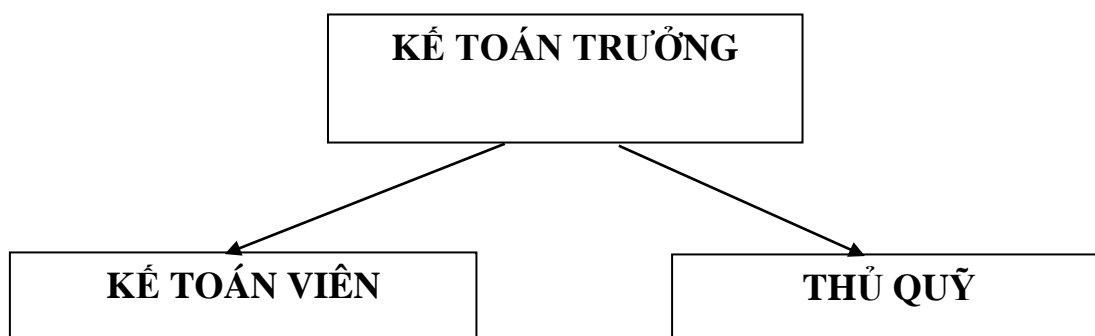
+ Tổ chức việc lưu trữ chứng từ theo quy định của Bộ tài chính. Thu thập và xử lý thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp. Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng kinh tế, nghiên cứu đề xuất với giám đốc công ty về tổ chức thực hiện các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp với tổ chức khác.

2.1.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty có một phòng kế toán có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán và thống kê trong công ty. Cung cấp thông tin kinh tế cho giám đốc và cho các phòng khác. Ngoài ra phòng kế toán còn tiến hành phân tích các hoạt động, hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra các bộ phận trong công ty thực hiện đầy đủ các ghi chép ban đầu, ghi chép tài chính và chế độ quản lý tài chính.

Do số lượng nhân viên trong phòng kế toán hạn chế nên mỗi người phải kiêm nhiều công việc, vì vậy bộ máy tổ chức kế toán được thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

*** Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên:**

- Kế toán trưởng: Là một kế toán tổng hợp, có mối liên hệ trực tuyến với kế toán viên thành phần, có năng lực điều hành và tổ chức, là người chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật về việc chấp hành đúng các quy định trong chuẩn mực kế toán hiện hành, có trách nhiệm phổ biến chủ trương, kế hoạch và chỉ đạo công tác cho bộ phận kế toán công ty. Kế toán trưởng còn có nhiệm vụ tổ chức ghi chép và kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn của công ty, các định mức tiền lương tiền thưởng... đồng thời xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Thực hiện lập và gửi cấp trên đầy đủ, đúng hạn các báo cáo kế toán. Phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh và phân tích kết quả kinh doanh nhằm mục đích cung cấp thông tin cho nhà quản trị công ty ra quyết định kinh doanh, xây dựng các kế hoạch tài chính cho công ty.

- Kế toán viên: có nhiệm vụ theo dõi và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán và bao quát tất cả các phần hành kế toán, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

- Thủ quỹ: chịu trách nhiệm quản lý các nguồn vốn bằng tiền của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ phần thu chi, sau đó tổng hợp đối chiếu phần thu chi với kế toán.

2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

2.1.3.3 Hệ thống tổ chức sổ sách kế toán

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ nhật ký chung và sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản. Đồng thời, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết (nếu có)

- Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

Luôn đối chiếu giữa các số liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ.

2.1.3.4 Hệ thống tổ chức báo cáo kế toán

Theo quy định kế toán hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán(B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh(B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(B03- DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính(B04- DN)

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm là công ty dịch vụ vận tải. Doanh thu của công ty là doanh thu cung cấp các dịch vụ về vận tải như: vận chuyển hàng hóa đường bộ, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, bốc xếp hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

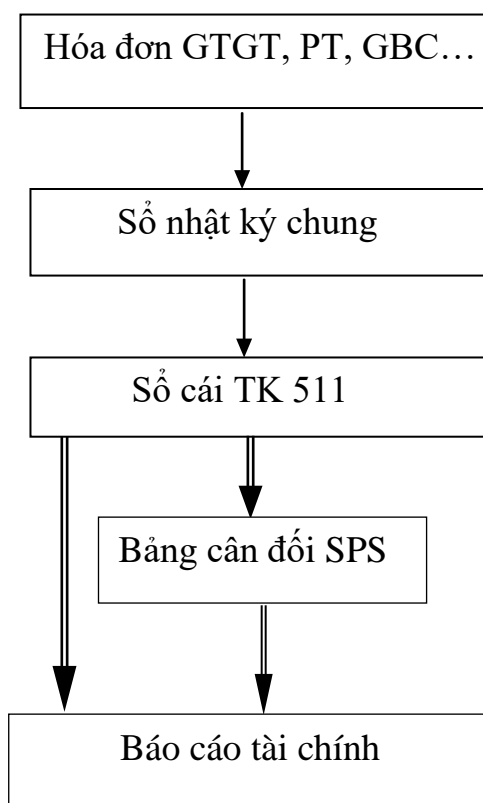
- Hợp đồng vận chuyển
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

- TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 5111 - Doanh thu dịch vụ vận tải

Các tài khoản khác liên quan: TK515, TK711, TK111, TK112, TK 3331...

2.2.1.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú

Ghi sổ hàng ngày : \Longrightarrow

Ghi sổ cuối tháng : \longrightarrow

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

***Ví dụ 2.1:** Ngày 05/11/2015, vận chuyển ngô theo 2 tuyến đường từ Cái Lân về Hưng Yên, từ Hải Phòng đi Hưng Yên cho công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An, giá mua chưa thuế là 112.998.300, thanh toán bằng chuyển khoản. Định khoản:

Nợ TK112 :124.298.130

Có TK511 :112.998.300

Có TK3331 :11.299.830

Căn cứ vào hợp đồng của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên (Biểu 2.1), sau khi thanh lý hợp đồng, kế toán viết Hóa đơn GTGT Ký hiệu AA/15P số 0000683 (Biểu 2.2). Khách hàng thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng Hàng Hải, công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng(biểu 2.3), kế toán căn cứ vào

giấy báo có để ghi sổ tài khoản ngân hàng phản ánh số tiền vận chuyển thu được, Sổ nhật ký chung (Biểu 2.6), Sổ cái tài khoản 511 (Biểu 2.7).

***Ví dụ 2.2:** Ngày 30/11/2015, vận chuyển cám gạo theo 2 tuyến đường từ Đình Vũ đi Hưng Yên, từ Đình Vũ đi Nam Định cho công ty TNHH Mạnh Hùng, giá mua chưa thuế là 17.741.180, chưa thanh toán. Định khoản:

Nợ TK131	: 19.515.298
Có TK511	: 17.741.180
Có TK3331	: 1.774.118

Căn cứ vào hợp đồng của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên (Biểu 2.4), sau khi thanh lý hợp đồng, kế toán lập hóa đơn GTGT Ký hiệu AA/15P số 0000724 (Biểu 2.5). Từ hóa đơn GTGT kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu 2.6), Sổ cái TK 511 (Biểu 2.7).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ

Số:30/HĐNTVC-2015

- Căn cứ vào Luật dân sự số 33/2005/QH 11 Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 11 năm 2015, chúng tôi gồm:

Bên A(Bên thuê vận chuyển): **CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THÁI BÌNH AN**

Địa chỉ : Số 3, ngõ 164, phố Lê Mật, phường Việt Hương, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : 04.33910237

Mã số thuế : 0106524571

Số tài khoản : 2681000045455 Tại ngân hàng HÀNG HẢI chi nhánh Long Biên

Do ông : **Trần Văn Hiệp** Chức vụ: Giám đốc- Làm đại diện.

Bên B(Bên vận chuyên): **CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI ĐỨC LÂM.**

Địa chỉ : Số 5- Kiến Thiết- Sở Dầu - Hồng Bàng- Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.540.634/0977.88.23.45.

Fax: 0313.540.634.

Mã số thuế : 0200.731.737

Số tài khoản : 03401010000634 tại Hàng Hải- CN Hồng Bàng

Do bà : **Nguyễn Thị Thảo** Chức vụ: Giám đốc- Làm đại diện.

Hai bên đồng ý kí hợp đồng nguyên tắc vận chuyển với các điều kiện và điều khoản sau:

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A ủy thác cho Bên B vận chuyển hàng hóa theo chỉ định của Bên A như sau :

1. Hàng hóa: Ngô hạt

2. Trọng lượng, đơn giá: Bên B nhận chở cho bên A 639.550kg ngô rời đơn giá chưa có thuế GTGT 10% cụ thể như sau :

+ Từ cảng cái lân đến Hưng Yên : 210đ/kg

+ Từ cảng cái lân đến Hà Nội : 150đ/kg

Tổng cước thanh toán: 124.298.130

Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm ba mươi đồng.

Trong đó bao gồm: thuế GTGT 10%

Không bao gồm: tiền cầu, phà, phí đường bộ nếu có.

3. Bên B có trách nhiệm nhận và xếp hàng đúng địa điểm, đúng loại xe theo lộ trình đã thỏa thuận với bên A trong hợp đồng

4. Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền cước vận chuyển cho bên B sau một tháng kể từ khi nhận được hóa đơn GTGT và những chứng từ cần thiết có liên quan của tất cả các lô hàng đã vận chuyển trong tháng đó.

5. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên, nếu bên nào vi phạm sẽ bị phạt 30% tổng giá trị hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng thương lượng giải quyết. Nếu không thương lượng được sẽ đưa ra tòa án Nhân dân quận Hồng Bàng để giải quyết.

6. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

*** Biểu 2.1: Hợp đồng vận chuyển số 30**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01/GTKT/3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AA/15P			
(Liên 3: Nội bộ)		Số: 0000683			
Ngày 05 tháng 11 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm					
MST: 0200731737					
ĐC: Số 5 Kiến Thiết, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3540643					
Số tài khoản: 03401010000634					
Họ và tên người mua hàng: Đỗ Tuấn Anh					
Tên đơn vị: Công ty CP thương mại và sản xuất Thái Bình An					
MST: 0106524571					
ĐC: Số 3, ngõ 164, phố Lê Mật, phường Việt Hương, quận Long Biên, Hà Nội					
Hình thức thanh toán: CK ; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cước vận chuyển ngô theo bảng kê ngày 3/11				
1	Từ Cái Lân về Hưng Yên	kg	284.430	210	59.730.300
2	Từ Hải Phòng về Hưng Yên	kg	355.120	150	53.268.000
Cộng tiền hàng:					112.998.300
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		11.299.830
Tổng cộng tiền thanh toán:					124.298.130
Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm ba mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

*** Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000683**

		Liên 2: Giao khách hàng
Đơn vị: Chi nhánh Hồng Bàng	GIẤY BÁO CÓ	
MST: 0200124891 – 001		Số/seri:FPTBPS011/386 Ngày 05/11/2015
Số tài khoản: 034 01 01 0000634		Ngân hàng Hàng Hải xin trân trọng thông báo: Hôm nay tài khoản của Quý khách được ghi có như sau:
Kính gửi:CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI SONG THẮNG		
MST: 0200731737		
Người gửi: Công ty CP thương mại và sản xuất Thái Bình An		
Diễn giải: Thanh toán chi phí vận chuyển		Số tiền
Số tiền ghi có		124.298.130
Phí dịch vụ		
Thuế GTGT		
NV thực hiện giao diện: FPTBPS015		CB kiểm soát giao dịch
Người lập	Kiểm soát	Giám đốc

*** Biểu 2.3: Giấy báo có của ngân hàng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ

Số:39 /HĐNTVC-2015

- Căn cứ vào Luật dân sự số 33/2005/QH 11 Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH 11 Quốc Hội ban hành ngày 27/06/2005
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2015 , chúng tôi gồm:

Bên A(Bên thuê vận chuyển): **CÔNG TY TNHH MẠNH HÙNG**

Địa chỉ : Số 10A xóm Thắng Lợi, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại : 031.3506605

Mã số thuế : 0200566850

Số tài khoản :

Do ông : Nguyễn Khắc Hùng Chức vụ: Giám đốc- Làm đại diện.

Bên B(Bên vận chuyển): **CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI ĐỨC LÂM.**

Địa chỉ : Số 5- Kiến Thiết- Sở Dầu - Hồng Bàng- Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.540.634/0977.88.23.45.

Fax: 0313.540.634.

Mã số thuế : 0200.731.737

Số tài khoản : 03401010000634 tại Hàng Hải- CN Hồng Bàng

Do bà : Nguyễn Thị Thảo Chức vụ: Giám đốc- Làm đại diện.

Hai bên đồng ý kí hợp đồng nguyên tắc vận chuyển với các điều kiện và điều khoản sau:

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A ủy thác cho Bên B vận chuyển hàng hóa theo chỉ định của Bên A như sau :

1. Hàng hóa: Cám gạo

2. Trọng lượng, đơn giá: Bên B nhận chở cho bên A 102.451kg cám gạo đơn giá chưa có thuế GTGT 10% cụ thể như sau :

+ Từ Đình Vũ đi Hưng Yên : 170đ/kg

+ Từ Đình Vũ đi Nam Định : 180đ/kg

Tổng cước thanh toán: 19.515.298

Bằng chữ: Mười chín triệu, năm trăm mười năm nghìn hai trăm chín mươi tám đồng.

Trong đó bao gồm: thuế GTGT 10%

Không bao gồm: tiền cầu, phà, phí đường bộ nếu có.

3. Bên B có trách nhiệm nhận và xếp hàng đúng địa điểm, đúng loại xe theo lộ trình đã thỏa thuận với bên A trong hợp đồng

4. Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền cước vận chuyển cho bên B sau một tháng kể từ khi nhận được hóa đơn GTGT và những chứng từ cần thiết có liên quan của tất cả các lô hàng đã vận chuyển trong tháng đó.

5. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên, nếu bên nào vi phạm sẽ bị phạt 30% tổng giá trị hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng thương lượng giải quyết. Nếu không thương lượng được sẽ đưa ra tòa án Nhân dân quận Hồng Bàng để giải quyết.

6. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

*** Biểu 2.4: Hợp đồng vận chuyển số 39**

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 30 tháng 11 năm 2015</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT 3/001 Kí hiệu: AA/15P Số: 0000724</p>																																														
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm MST: 0200731737 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng Điện thoại: 031.3540643 Số tài khoản:																																															
Họ và tên người mua hàng: Phạm Văn Hưng Tên đơn vị: Công ty TNHH Mạnh Hùng MST:0200566850 ĐC: Số 10A xóm Thắng Lợi, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: chưa thanh toán Số tài khoản:.....																																															
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">STT</th> <th style="width: 42%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 8%;">ĐVT</th> <th style="width: 12%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 20%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Cước vận chuyển cám gạo theo bảng kê ngày 29/11</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Từ Đình Vũ đi Hưng Yên</td> <td style="text-align: center;">kg</td> <td style="text-align: right;">70.000</td> <td style="text-align: right;">170</td> <td style="text-align: right;">11.900.000</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">2</td> <td>Từ Đình Vũ đi Nam Định</td> <td style="text-align: center;">kg</td> <td style="text-align: right;">32.451</td> <td style="text-align: right;">180</td> <td style="text-align: right;">5.841.180</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td style="text-align: right;">17.741.180</td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT:</td> <td style="text-align: right;">1.774.118</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán:</td> <td style="text-align: right;">19.515.298</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Cước vận chuyển cám gạo theo bảng kê ngày 29/11					1	Từ Đình Vũ đi Hưng Yên	kg	70.000	170	11.900.000	2	Từ Đình Vũ đi Nam Định	kg	32.451	180	5.841.180	Cộng tiền hàng:					17.741.180	Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	1.774.118	Tổng cộng tiền thanh toán:					19.515.298
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																										
	Cước vận chuyển cám gạo theo bảng kê ngày 29/11																																														
1	Từ Đình Vũ đi Hưng Yên	kg	70.000	170	11.900.000																																										
2	Từ Đình Vũ đi Nam Định	kg	32.451	180	5.841.180																																										
Cộng tiền hàng:					17.741.180																																										
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	1.774.118																																										
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.515.298																																										
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu, năm trăm mười năm nghìn, hai trăm chín mươi tám nghìn đồng																																															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																																											
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																																															

*** Biểu 2.5 – Hóa đơn GTGT số 0000724**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
12/10	PC13/10	12/10	Chi phí mua nhiên liệu cho xe 15C18291	154	737.400	
				133	73.740	
				111		811.140
					
05/11	GBC0511	05/11	Vận chuyển ngô cho công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An	112	124.298.130	
				511		112.998.300
				3331		11.299.830
.....
30/11	HĐ724	30/11	Vận chuyển cám gạo cho công ty Mạnh Hùng	131	19.515.298	
				511		17.741.180
				3331		1.774.118
					
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	2.925.069.820	
				911		2.925.069.820
.....
			Cộng phát sinh		38.440.660.380	38.440.660.380

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám Đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

*** Biểu 2.6: Trích sổ nhật ký chung năm 2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 511

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
			...			
09/10	PT 56/10	09/10	Vận chuyển khô đậu cho công ty AHB	111		17.756.000
...
05/11	GBC 0511	05/11	Vận chuyển ngô cho công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An	112		112.998.300
...
30/11	HĐ724	30/11	Vận chuyển cám gạo cho công ty Mạnh Hùng	131		17.741.180
...
31/12	PKT25 /12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV	911	2.925.069.820	
			Cộng phát sinh		2.925.069.820	2.925.069.820
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

*** Biểu 2.7: Trích sổ cái tài khoản 511**

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm là công ty kinh doanh dịch vụ. Vì vậy giá vốn dịch vụ chính là tổng chi phí phát sinh trong kỳ được tập hợp bên Nợ TK 154.

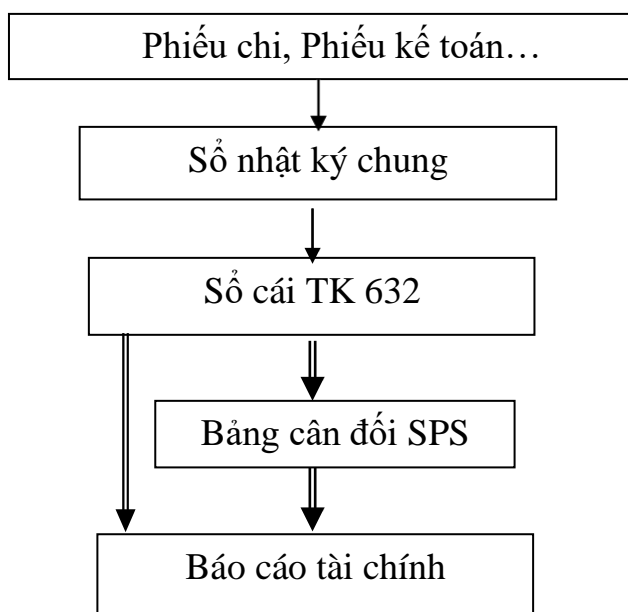
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, Phiếu kế toán...
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng:

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- Các tài khoản khác liên quan

2.2.2.3 Quy trình hạch toán:



Ghi chú :

Ghi sổ hàng ngày : \longrightarrow

Ghi sổ cuối tháng : \Longrightarrow

*** Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán**

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632.

- Cuối quý, năm kế toán tập hợp các số liệu từ Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

* **Ví dụ 2.3:** Ngày 30/10, bảo dưỡng định kỳ cho xe tải BKS 15L05107 tại công ty TNHH ô tô Huy Hoàng, thanh toán bằng tiền mặt số tiền chưa thuế là 6.809.000.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000566 (biểu 2.8), kế toán viết phiếu chi (biểu 2.9), từ phiếu chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.11), sổ cái TK 154(biểu 2.12)

* **Ví dụ 2.4:** Cuối kỳ, kế toán kết chuyển giá vốn dịch vụ sang TK632

Ngày 31/12/2015, căn cứ vào các chi phí phát sinh được tập hợp trên sổ cái TK154, kế toán lập PKT 10/12 để kết chuyển giá vốn dịch vụ (biểu 2.10), từ phiếu kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.11), vào sổ cái TK 632 (biểu 2.13)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao khách hàng) Ngày 30 tháng 10 năm 2015	Mẫu số: 01GTKT 3/001 Kí hiệu: AA/15P Số: 0000566																																		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ô tô Huy Hoàng MST: 0204068261 ĐC: Số 3 đường Hà Nội, Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại: 031.3528889 Số tài khoản:																																			
Họ và tên người mua hàng: Phùng Đức Anh Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm MST: 0200731737 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:.....																																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Tên hàng hóa, dịch vụ</th> <th style="width: 10%;">ĐVT</th> <th style="width: 15%;">Số lượng</th> <th style="width: 15%;">Đơn giá</th> <th style="width: 10%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Bảo dưỡng định kỳ cho xe tải BKS 15L05107</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">6.809.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td style="text-align: right;">6.809.000</td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: right;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT:</td> <td style="text-align: right;">680.900</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán:</td> <td style="text-align: right;">7.489.900</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Bảo dưỡng định kỳ cho xe tải BKS 15L05107				6.809.000	Cộng tiền hàng:					6.809.000	Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	680.900	Tổng cộng tiền thanh toán:					7.489.900
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																														
	Bảo dưỡng định kỳ cho xe tải BKS 15L05107				6.809.000																														
Cộng tiền hàng:					6.809.000																														
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	680.900																														
Tổng cộng tiền thanh toán:					7.489.900																														
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng																																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																																	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																																			

*** Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT số 0000566**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số 21/10

Ngày 30 tháng 10 năm 2015

Nợ TK 154: 6.809.000

Nợ TK 133: 680.900

Có TK 111: 7.489.900

Họ tên người nhận tiền: Phùng Đức Anh

Địa chỉ: Phòng Điều hành

Lý do chi: Bảo dưỡng định kỳ ô tô tải BKS 15L05107

Số tiền: 7.489.900

Viết bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn chín trăm đồng

Kèm theo:

Ngày 30 tháng 10 năm 2015

Giám đốc	KT trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

*** Biểu 2.9: Phiếu chi 21/10**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 10/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
Kết chuyển giá vốn	632	1.501.295.383	
dịch vụ	154		1.501.295.383
Tổng cộng		1.501.295.383	1.501.295.383

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)
dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng)

*** Biểu 2.10: Phiếu kế toán 10/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
12/10	PC13/10	12/10	Chi phí mua nhiên liệu cho xe 15C18291	154	737.400	
				133	73.740	
				111		811.140
.....
30/10	PC21/10	30/10	Bảo dưỡng định kỳ xe tải BKS 15L05107	154	6.809.000	
				133	680.900	
				111		7.489.900
.....
02/11	GBC 0211	02/11	Công ty Vinacam thanh toán tiền cước vận chuyển	112	65.000.0000	
				131		65.000.000
....
31/12	PKT 10/12	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	632	1.501.295.383	
				154		1.501.295.383
					
			Cộng phát sinh		38.440.660.380	38.440.660.380

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Biểu 2.11: Trích sổ nhật ký chung năm 2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 154

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Phát sinh trong kỳ			
...
12/10	PC 13/10	12/10	Chi phí mua nhiên liệu cho xe 15C18291	111	737.400	
...
30/10	PC 21/10	30/10	Chi phí bảo dưỡng xe tải 15L05107	111	6.809.000	
...
31/12	PKT10/ 12	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	632		1.501.295.383
			Cộng phát sinh		1.501.295.383	1.501.295.383
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Biểu 2.12: Trích sổ cái tài khoản 154**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 632

Giá vốn hàng bán
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT10/12	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	154	1.501.295.383	
31/12	PKT26/12	31/12	Kết chuyển chi phí XĐKQKD	911		1.501.295.383
			Cộng phát sinh		1.501.295.383	1.501.295.383
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

* **Biểu 2.13: Trích sổ cái TK632**

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm chủ yếu là số tiền lãi từ số dư tài khoản

Trong năm 2015 công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

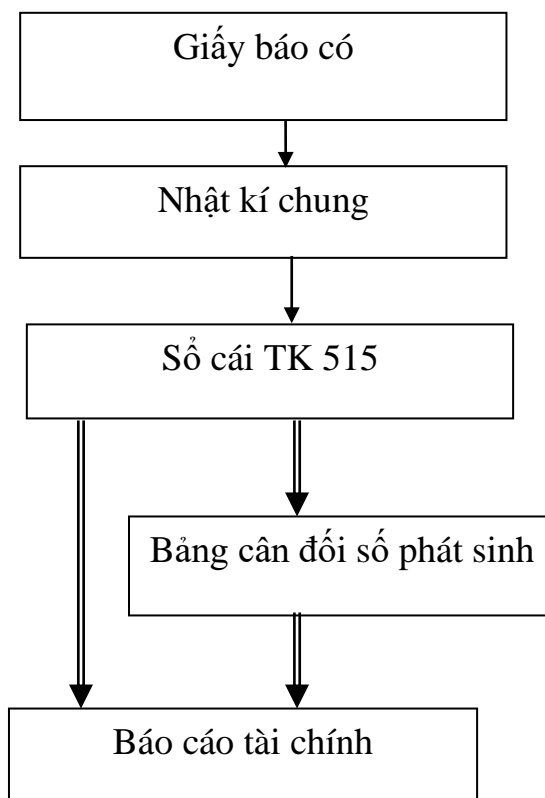
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng:

TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.3 Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —→

Ghi cuối tháng, định kì : ==>

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

* **Ví dụ 2.5:** Ngày 25/12/2015, công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng của ngân hàng Á Châu, số tiền 258.669

Kế toán căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng (biểu 2.14), để ghi sổ nhật ký chung (biểu 2.15) và sổ cái 515 (biểu 2.16)



GIAY BAO CO

Ngày 25/12/2015 Ma GDV NGUYEN THI VAN
Ma KH 54366

So GD 7119 Chi nhánh Hồng Bàng

Kinh gui: CTY TNHH thương mại van tai Duc Lam

Ma so thue : 0200731737

Hôm nay chúng tôi xin thông báo ghi CO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có 211375919

Số tiền bằng số: 258.669

Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng

Nội dung: Lai nhập vốn

Giao dịch viên

Kiểm soát

*** Biểu 2.14: Giấy báo có**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
02/11	GBC 0211	02/11	Công ty Vinacam thanh toán tiền cước vận chuyển	112	65.000.000	
				131		65.000.000
.....
30/11	HĐ724	30/11	Vận chuyển cám gạo cho công ty Mạnh Hùng	131	19.515.298	
				511		17.741.180
				3331		1.774.118
.....
25/12	GBC 2512	25/12	Lãi TK 211375919 tiền VND gửi ngân hàng ACB	112	258.669	
				515		258.669
					
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	2.925.069.820	
				911		2.925.069.820
					
			Cộng phát sinh		38.440.660.380	38.440.660.380

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ
 tên)

*** Biểu 2.15: Trích sổ nhật ký chung năm 2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 515

Doanh thu hoạt động tài chính
 Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
...
25/12	GBC 2512	25/12	Lãi TK 211375919 tiền VND gửi ngân hàng ACB	112		258.669
...
31/12	PKT25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu XĐKQKD	911	2.291.681	
			Cộng phát sinh		2.291.681	2.291.681
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

***Biểu 2.16: Trích sổ cái TK515**

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho quản lý kinh doanh, chi mua văn phòng phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài.....

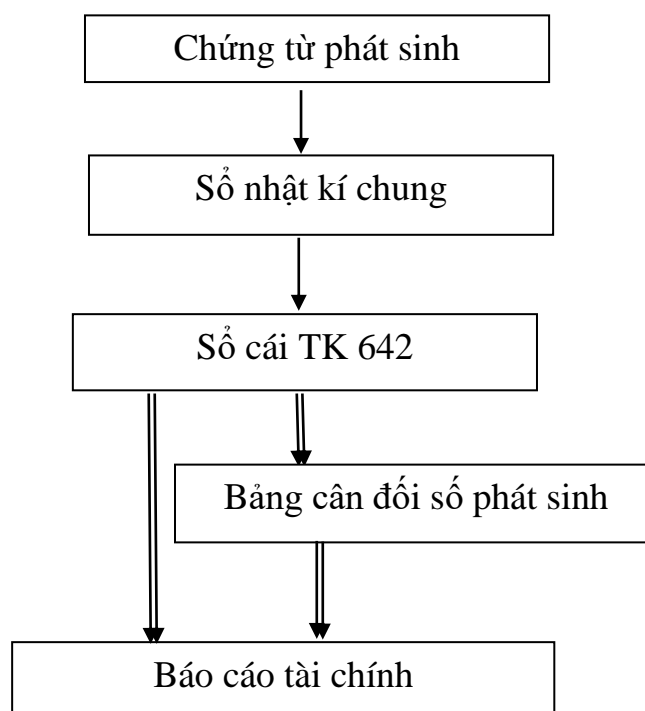
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác liên quan

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ : ⇨

* **Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

* **Ví dụ 2.6:** Ngày 10/12/2015, thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2015, số tiền 658.100 (chưa VAT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0039489 (biểu 2.17), kế toán lập phiếu chi 31/12 (biểu 2.18), sổ nhật ký chung (biểu 2.19), sổ cái TK 642 (biểu 2.20)



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Mẫu số: 01GTKT2/001

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE

Ký hiệu(series no): AB/15P

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Số (No): 0039489

Mã số thuế: 0 1 0 6 8 9 7 3 8 - 0 5 6

Trung tâm Kinh doanh VNPT- Hải Phòng, Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm

Địa chỉ (Address): Số 4- Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 031540643

Mã số (code)

Hình thức thanh toán (Kind of payment): Tiền mặt

MST:0200731737

STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kỳ cước tháng:11/2015				658.100
2	- Cước dịch vụ viễn thông				
3	- Cước dịch vụ viễn thông không thuế				
4	- Chiết khấu+Đa dịch vụ				
5	- Khuyến mại				
6	-Trừ đặt cọc+Trích thưởng+Nợ cũ				
Cộng tiền dịch vụ (Total)					658.100
Thuế suất (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount)					65.810
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)					723.910

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm mười đồng

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

*** Biểu 2.17: Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 0039489**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số:31/12

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 642: 658.100

Nợ TK 133:65.810

Có TK 111: 723.910

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Ngọc Anh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2015

Số tiền: 723.910

Viết bằng chữ: Bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm mười đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):Bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm
mười đồng

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Giám đốc (Ký, đóng dấu)	KT trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
-----------------------------------	----------------------------------	------------------------------------	------------------------------------	--------------------------------

*** Biểu 2.18: Phiếu chi 31/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
02/11	GBC 0211	02/11	Công ty Vinacam thanh toán tiền cước vận chuyển	112	65.000.000	
				131		65.000.000
.....
05/12	PC 20/12	05/12	Thanh toán tiền in card	642	692.000	
				133	69.200	
				111		761.200
.....
10/12	PC 31/12	10/12	Thanh toán tiền cước điện thoại T11/2015	642	658.100	
				133	65.810	
				111		723.910
					
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	2.925.069.820	
				911		2.925.069.820
		
			Cộng số phát sinh		38.440.660.380	38.440.660.380

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Biểu 2.19: Trích sổ nhật ký chung năm 2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
...
05/12	PC 20/12	05/12	Thanh toán tiền in card	111	692.000	
...
10/12	PC 31/12	10/12	Thanh toán tiền cước điện thoại T11/2015	111	658.100	
...
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển chi phí XĐKQKD	911		1.104.177.172
			Cộng phát sinh		1.104.177.172	1.104.177.172
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

* **Biểu 2.20 - Trích sổ cái TK 642**

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

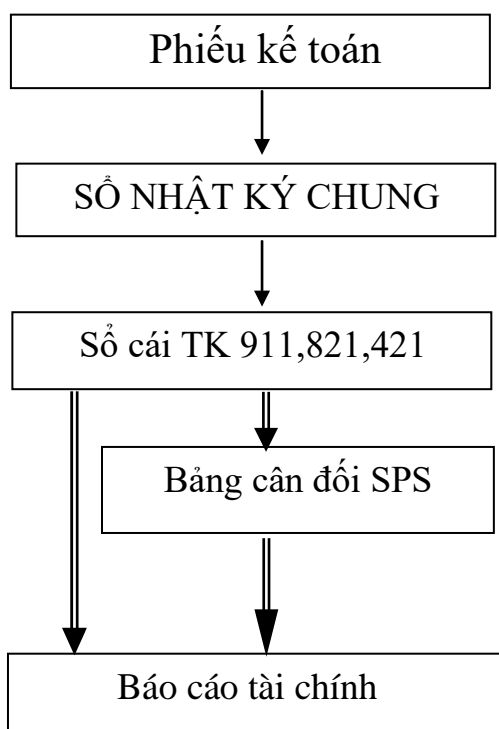
Trong năm 2015, công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.**2.2.6.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421- Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản liên quan

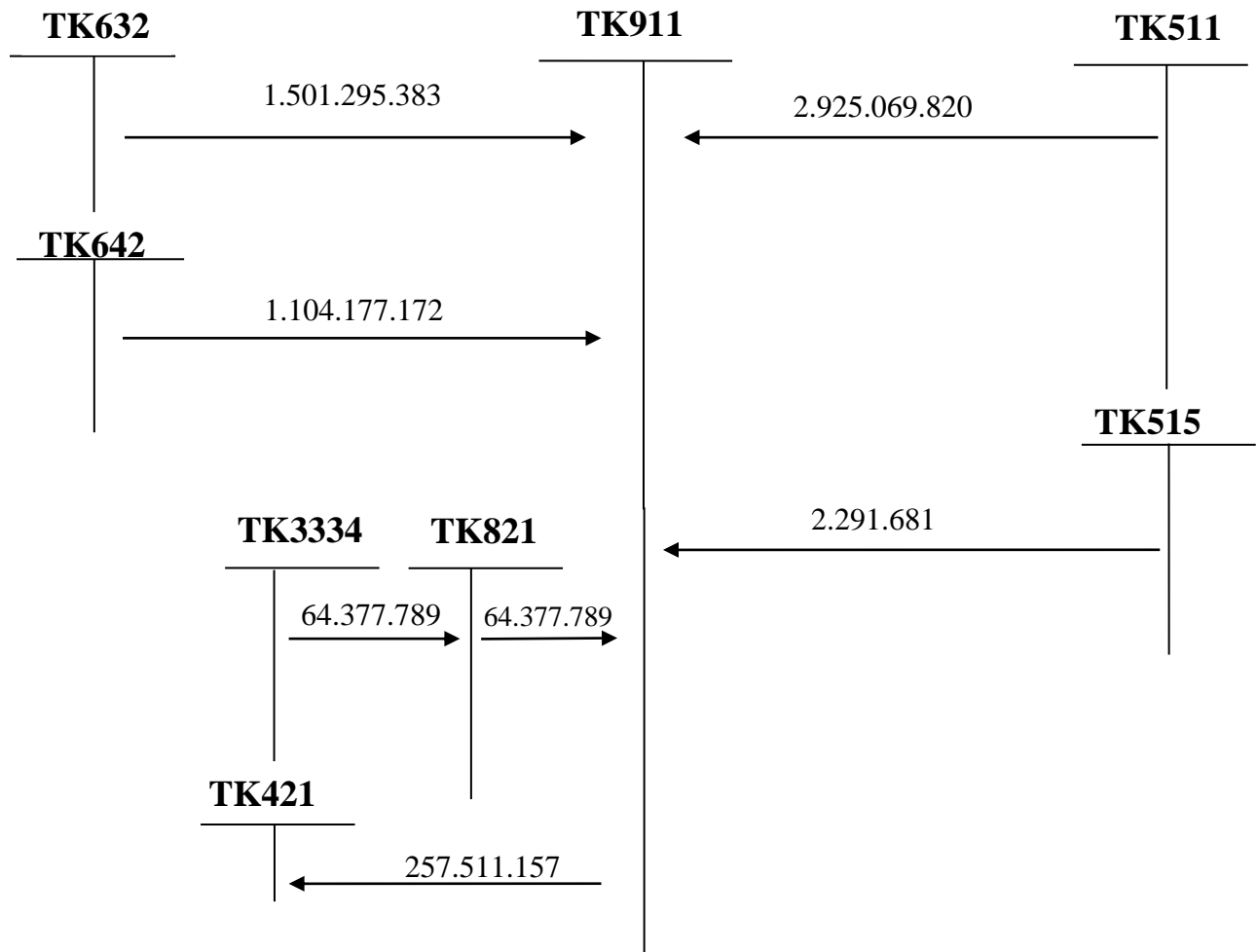
2.2.6.3 Quy trình hạch toán**Ghi chú**

Ghi sổ hàng ngày : →

Ghi sổ cuối năm : ==>

* **Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

Từ thực tế các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cuối năm công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.



* Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 25/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
Kết chuyển doanh thu XĐKQKD	511	2.925.069.820	
	515	2.291.681	
	911		2.927.361.501
Tổng cộng		2.927.361.501	2.927.361.501

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.21: Phiếu kế toán 25/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 26/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
Kết chuyển chi phí XĐKQKD	911	2.605.472.555	
	632		1.501.295.383
	642		1.104.177.172
Tổng cộng		2.605.472.555	2.605.472.555

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.22: Phiếu kế toán 26/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 27/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
Xác định thuế	821	64.377.789	
TNDN phải nộp	3334		64.377.789
Tổng cộng		64.377.789	64.377.789

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.23: Phiếu kế toán 27/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 28/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
Kết chuyển chi	911	64.377.789	
phí thuế TNDN	821		64.377.789
Tổng cộng		64.377.789	64.377.789

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.24: Phiếu kế toán 28/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số 29/12

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
		Nợ	Có
Kết chuyển lãi	911	257.511.157	
	421		257.511.157
Tổng cộng		257.511.157	257.511.157

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.25: Phiếu kế toán 29/12**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	2.291.681	
				911		2.291.681
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	2.925.069.820	
				911		2.925.069.820
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	1.501.295.383	
				632		1.501.295.383
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	1.104.177.172	
				642		1.104.177.172
31/12	PKT 27/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	64.377.789	
				3334		64.377.789
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	64.377.789	
				821		64.377.789
31/12	PKT 29/12	31/12	Kết chuyển lãi	911	257.511.157	
				4212		257.511.157
			Cộng số phát sinh		38.440.660.380	38.440.660.380

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

* **Biểu 2.26: Trích sổ nhật ký chung năm 2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		2.925.069.820
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		2.291.681
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	1.501.295.383	
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.104.177.172	
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	64.377.789	
31/12	PKT 29/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	257.511.157	
			Cộng phát sinh		2.927.361.501	2.927.361.501
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.27: Trích sổ cái TK 911 năm 2015**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Tài khoản 821- Chi phí thuế TNDN

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 27/12	31/12	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	64.377.789	
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		64.377.789
			Cộng phát sinh		64.377.789	64.377.789
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

*** Biểu 2.28: Trích sổ cái TK 821 năm 2015**

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo
Quyết định số
48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của BTC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Người nộp thuế: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm

Mã số thuế: 0200731737

Địa chỉ trụ sở: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

ĐT: 031.3540634 Fax:..... Email:.....

Đơn vị tiền: đồng

Chỉ tiêu	Mã	TM	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)
1.Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.08	2.925.069.820	2.692.200.872
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.DT thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-02)	10		2.925.069.820	2.692.200.872
4.Giá vốn hàng bán	11		1.501.295.383	1.284.540.610
5.LN gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10-11)	20		1.423.774.437	1.407.660.262
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.291.681	2.287.314
7.Chi phí tài chính	22			
_ Trong đó chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		1.104.177.172	1.104.672.940

9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30		321.888.946	305.274.636
10.Thu nhập khác	31		0	0
11.Chi phí khác	32		0	0
12.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	321.888.946	305.274.636
14.Chi phí thuế TNDN	51		64.377.789	61.054.927
15.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		257.511.157	244.219.709

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

* **Biểu 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015**

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐỨC LÂM

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, với 8 năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường bằng những dịch vụ có uy tín, giá thành hợp lí, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Để có được thành quả như ngày hôm nay là nhờ vào sự năng động của bộ máy quản lý cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể các cán bộ công nhân viên trong công ty.

Lựa chọn bộ máy quản lý gọn nhẹ, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Bên cạnh đó, công ty xây dựng được công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn trong quá trình hoạt động của công ty và trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống các công cụ quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp. Dưới góc độ là sinh viên thực tập, lần đầu tiên em có cơ hội được tiếp xúc với môi trường kế toán thực tế. Vậy nhưng, với quan điểm của cá nhân em, em xin phép mạnh dạn được đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.

3.1.1 Ưu điểm

- *Về tổ chức bộ máy quản lý:* Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, công ty tổ chức một bộ máy quản lý gọn nhẹ, giảm tối đa các bộ phận gián tiếp, các phòng ban có quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Từng nhân viên gắn bó vào các công việc chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm, phát huy được năng lực sở trường để thực hiện được công việc có hiệu quả cao.

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm của công ty cũng như trình độ chuyên môn của kế toán viên. Mỗi kế toán viên thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

+ Với đội ngũ kế toán có trình độ, năng lực chuyên môn và sự nhiệt tình cao trong công việc đã góp phần không nhỏ vào công tác giám sát và quản lý doanh thu, chi phí giúp doanh nghiệp sẽ dàng xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là một hình thức đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng, rất phù hợp đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Bộ tài chính ngày 14/09/2006.

Chứng từ kế toán được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định.

Tất cả chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, trình tự thời gian và được đảm bảo an toàn theo quy định của nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như những cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng chính xác, minh bạch nội dung kinh tế. Bên cạnh những mẫu sổ được nhà nước quy định, công ty cũng sáng tạo tìm tòi những mẫu sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của công ty.

3.1.2 Tồn tại

- Về khoản mục chi phí quản lý kinh doanh: Kế toán không mở chi tiết cho tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh. Vì thế không theo dõi được các yếu tố chi phí: lương, dịch vụ mua ngoài, chi phí văn phòng phẩm....

- **Về hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức này phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, công ty lại không sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để giảm thiểu khối lượng sổ sách, khối lượng cho kế toán viên, giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, gọn nhẹ hơn.
- **Về hệ thống sổ sách kế toán:** Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của hai loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với khách hàng.

3.2 Các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.

3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.

Trong xu thế phát triển chung của thế giới như hiện nay cùng với xu hướng quốc tế hóa, hội nhập ngày càng cao. Nền kinh tế nước ta đã và đang có những chuyển biến lớn tiến lên theo tốc độ chung và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Trong cơ chế này, với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định được phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy thì trước hết công ty phải tự hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà là bộ phận quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, đối chiếu, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học để có thể biết được những thông tin một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời về nguồn hình thành và sự vận động của tài sản.

Đứng trước những yêu cầu trên, công ty cần kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn...việc hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý doanh thu, chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa vào những cơ sở sau:

- Thứ nhất: Đảm bảo sự phù hợp giữa loại hình doanh nghiệp và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung.

- Thứ hai: Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành kinh doanh dịch vụ.

- Thứ ba: Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Thứ tư: Đảm bảo sự thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn.

3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.

Bằng những kiến thức đã học, đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn em xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

3.2.2.1 Hoàn thiện về sổ sách kế toán:

Hiện nay Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Theo em, Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.1) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp tiết kiệm chi phí góp phần hạ giá thành dịch vụ.

Đơn vị:

Mẫu số S18- DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154,631,642,632,142,242)

Tài khoản:

Tên sản phẩm dịch vụ:

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			- Số dư đầu kỳ										
			- Số dư phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ										
			- Số dư cuối kỳ										

Ngày mở sổ:

Ngày..... tháng..... năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

*** Biểu 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

***Ví dụ 3.1:** Lấy lại ví dụ 2.6 ở chương 2.

Ngày 10/12/2015, thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2015, số tiền 658.100 (chưa VAT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0039489, kế toán lập phiếu chi 31/12, từ đó ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642

Ngoài các sổ mà kế toán công ty đã lập, nên lập thêm sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2).

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiên Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S18-DNN
 (Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ tài khoản 6422					
	SH	NT			Tổng	Chia ra				
						Lương	CP đồ dùng văn phòng	CP Dịch vụ mua ngoài	Khác
									
10/12	PC31/12	10/12	Tiền cước điện thoại T11	111	658.100				658.100	
									
			Cộng số phát sinh trong kỳ							

Ngày..... tháng..... năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

* **Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015**

3.2.2.2 Kiến nghị về ứng dụng phần mềm tin học vào công tác kế toán

Tin học hóa hệ thống kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác tạo điều kiện cho công tác quản lý.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Hoặc công ty có thể mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Sau đây là một số phần mềm kế toán mà công ty có thể sử dụng:

*** Phần mềm kế toán MISA SME. NET 2015:**

MISA. NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.

Giá cài đặt phần mềm là 2.950.000 VNĐ

Một số điểm nổi bật của phần mềm kế toán MISA:

Phân tích tài chính

Cung cấp tức thời nhiều biểu đồ phân tích, hệ thống báo cáo quản trị giúp Giám đốc nắm bắt nhanh chóng, chính xác các thông tin về sức khỏe của Doanh nghiệp.

Phân hệ quỹ

Dễ dàng tạo mẫu Phiếu thu, Phiếu chi theo đặc thù doanh nghiệp, in theo khổ A4, A5 hoặc giấy cuộn. Dự báo dòng tiền thu, chi trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.

Phân hệ Ngân hàng

Đáp ứng nghiệp vụ thanh toán qua thẻ tín dụng. Lập và in các chứng từ như Sec, UNC theo đặc thù biểu mẫu từng ngân hàng. Hỗ trợ đối chiếu chứng từ thu, chi với sổ phụ Ngân hàng để phát hiện chênh lệch.

Phân hệ mua hàng

Tự động phân bổ chi phí mua hàng, chi phí hải quan, hạch toán các khoản chiết khấu thương mại, theo dõi chi tiết công nợ phải trả theo từng hóa đơn.

Phân hệ bán hàng

Cho phép thiết lập chính sách giá bán và chiết khấu cho từng khách hàng, mặt hàng, theo dõi chiết khấu theo tổng giá trị hóa đơn. Lập kế hoạch thu nợ,

theo dõi nợ theo từng giai đoạn, hóa đơn, khách hàng, tự động tính lãi nợ quá hạn.

Phân hệ quản lý hóa đơn

Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành in và sử dụng hóa đơn. Theo dõi thông báo phát hành đối với tem, vé, phiếu nhập kiêm vận chuyển nội bộ.

Phân hệ kho

Tính giá xuất kho theo nhiều phương pháp: Đích danh, Nhập trước xuất trước, Bình quân cuối kỳ, Bình quân tức thời. Quản lý hàng hóa theo mã vạch, số lô, hạn dùng, mã quy cách, đặc tính sản phẩm, quy đổi theo nhiều đơn vị tính

Phân hệ lương

Chấm công, lập bảng chấm công và tính lương theo thời gian, sản phẩm... Tính lương cơ bản theo hệ số và mức lương tối thiểu hoặc tính lương cơ bản theo lương thỏa thuận của nhân viên.

Phân hệ hợp đồng

Quản lý hợp đồng theo dự án, bộ phận kinh doanh, nhân viên kinh doanh, thị trường. Theo dõi các khoản dự kiến chi, thực chi, tình hình thanh toán và tự động xác định lãi lỗ theo từng hợp đồng, dự án.

Phân hệ tài sản cố định

Tự động khấu hao chi tiết đến từng Tài sản cố định. Tự động phân bổ chi khấu hao cho từng bộ phận, phòng ban, đối tượng tập hợp chi phí. Cho phép lập biên bản kiểm kê tài sản cố định và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê.

Phân hệ Công cụ dụng cụ

Phân bổ chi phí một lần hoặc nhiều lần cho từng Công cụ dụng cụ theo từng đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành, lãi lỗ kinh doanh. Cho phép lập biên bản kiểm kê Công cụ dụng cụ và tự động xử lý chênh lệch sau khi kiểm kê

Phân hệ Giá thành

Tính giá thành và đánh giá sản phẩm dở dang theo nhiều phương pháp. Tự động phân bổ chi phí cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Phân hệ thuế

Tự động lập bảng thuế đầu vào, đầu ra, tờ khai.. in tờ khai, báo cáo thuế có mã vạch. Xuất khẩu báo cáo thuế định dạng XML, nộp báo cáo thuế qua mạng trực tiếp đến cơ quan thuế qua MTAX.VN

Phân hệ Ngân sách

Lập dự toán chi ngân sách theo từng chi nhánh, phòng ban. Thống kê chi phí theo từng khoản mục chi phí. Phân tích hiệu quả quản lý chi phí của từng bộ phận, chi nhánh.

Phân hệ Tổng hợp

Tự động kết chuyển lãi lỗ để xác định kết quả kinh doanh. Lập đồng thời hai bộ sổ kế toán (Tài chính và Quản trị) trên cùng một dữ liệu. Tự động lập báo cáo tài chính tổng hợp cho công ty đa chi nhánh.

*** Phần mềm kế toán Qlink:**

Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#. NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.

- Mô hình cấp dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty- Công ty thành viên- Chi nhánh.
- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.
- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.
- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng một thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.
- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.
- Kết xuất dữ liệu ra bộ đĩa office dễ dàng, kết xuất trực tiếp qua HTTK, iHTKK, TaxOnline.
- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win 7.
- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con...)

Giá phần mềm Qlink là 4.000.000

*** Phần mềm kế toán Smart Pro**

- Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET, xử lý số liệu tốc độ cực nhanh và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang một file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất, không sợ virus làm hư data.

- Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể thực hiện được. Hình thức nhập số liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng

công nghệ lập trình một màn hình nhập liệu mà không chia phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở danh mục hồ sơ ra xem.

Giá phần mềm 2.500.000 VNĐ

Theo em, để tiện sử dụng, giao diện đơn giản, quen thuộc và giá thành hợp lý, Công ty nên lựa chọn sử dụng phần mềm kế toán MISA cho công tác kế toán trong doanh nghiệp của mình.

3.2.2.3 Kiến nghị về sổ chi tiết theo dõi công nợ

Hiện nay khi theo dõi các khoản phải thu khách hàng công ty mới chỉ theo dõi trên sổ kế toán tổng hợp (sổ cái TK 131) mà chưa mở sổ chi tiết thanh toán với từng khách hàng.

Công ty cần bổ sung thêm mẫu sổ: Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán), Bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán).

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Đối tượng:

Năm:

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

* **Biểu 3.3 - Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua (bán)**

*** Ví dụ 3.2: Lấy lại ví dụ 2.2 ở chương 2**

Ngày 30/11/2015, vận chuyên cám gạo theo 2 tuyến đường từ Đình Vũ đi Hưng Yên, từ Đình Vũ đi Nam Định cho công ty TNHH Mạnh Hùng, giá mua chưa thuế là 17.741.180, chưa thanh toán. Định khoản:

Nợ TK131	:	19.515.298
Có TK511	:	17.741.180
Có TK3331	:	1.774.118

Căn cứ vào hợp đồng của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, sau khi thanh lý hợp đồng, kế toán lập hóa đơn GTGT Ký hiệu AA/15P số 0000724. Từ hóa đơn GTGT kế toán ghi Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 511,131,333

Dựa vào các hóa đơn GTGT, kế toán lập sổ chi tiết thanh toán (biểu 3.5) và bảng tổng hợp thanh toán (biểu 3.6) để dễ dàng theo dõi tình hình công nợ đối với công ty.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131
 Đối tượng: Công ty TNHH Mạnh Hùng
 Năm: 2015

NTGS	Chứng từ		Diễn giải		Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 11				0	
30/11	HĐGTGT 0000724	30/11	Vận chuyển cám gạo cho công ty Mạnh Hùng, chưa thanh toán	511	17.741.180		17.741.180	
				3331	1.774.118		19.515.298	
			Cộng phát sinh		19.515.298	0		
			Số dư cuối tháng 11				19.515.298	

*** Biểu 3.5: Sổ chi tiết thanh toán với công ty TNHH Mạnh Hùng**

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm
 ĐC: Số 5 Kiến Thiết, Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Tháng 11 năm 2015

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
....
5	Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Hạnh	10.253.222		650.215.300	645.204.278	15.264.244	
6	Công ty TNHH Mạnh Hùng	0		19.515.298	0	19.515.298	
....
	Tổng	301.225.640		1.539.872.346	1.586.897.066	254.200.920	

**** Biểu 3.6 Bảng tổng hợp thanh toán với người mua năm 2015***

3.2.2.4. Một số giải pháp khác

Bộ phận kế toán thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Công ty nên tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, chọn lọc và áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán hiện nay của Việt Nam.

Hiện nay, công ty chỉ mới phân tích kết quả hoạt động kinh doanh ở mức so sánh chênh lệch của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà chưa tổng hợp các chỉ tiêu để có thể nhìn thấy rõ tình hình tài chính của công ty. Vì vậy theo em, công ty nên lập bảng tổng hợp các chỉ tiêu về tài chính để có cái nhìn khái quát hơn.

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tiễn tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm, em có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về từng phần hành kế toán đã học, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nhận thấy rõ hơn vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời luôn có khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn, nói cụ thể hơn là mỗi doanh nghiệp đều có những đặc điểm riêng vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán cũng phải có những bước vận dụng linh hoạt từ chế độ kế toán nhà nước và tình hình cụ thể của đơn vị mình.

Là sinh viên ngành Kế toán –Kiểm toán em luôn nghĩ cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tế ở nhiều góc độ khác nhau trong tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sau một thời gian tìm hiểu em đã nhận thức nhiều hơn về vấn đề này. Em tin rằng đây sẽ là vốn kiến thức, hành trang quý báu giúp em bước vào đời.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong cuốn khóa luận tốt nghiệp đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm”. Trong bài khóa luận này em vẫn dụng những kiến thức đã học trong trường để trình bày những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó, mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm. Tuy nhiên, do kiến thức, trình độ và thời gian còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thành tốt nhất.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo - Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường đại học dân lập Hải Phòng cùng ban lãnh đạo nhân viên tại Công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm đã chỉ bảo, giúp đỡ em hoàn thiện bài khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản Tài Chính .
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (quyển 1 và quyển 2) – Nhà xuất bản Tài Chính.
4. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Trường đại học kinh tế quốc dân – 2006 . Chủ biên : PGS.TS Nguyễn Thị Đông.
5. Các bài khóa luận của sinh viên trường đại học dân lập Hải Phòng.
6. Các trang web chính thức của Chính phủ, nhà nước, kinh tế như : ketoanthucte.com ; ketoanthue.vn...

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 1

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 1

1.1.2 Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. 1

1.1.2.1 Doanh thu 1

1.1.2.2 Chi phí 5

1.1.2.3 Xác định kết quả kinh doanh 7

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ 8

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 9

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu 9

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng 9

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng 9

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán 11

1.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng 12

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng 12

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng 12

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán 14

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính 17

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng 17

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng 17

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán 18

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng 20

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng 20

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán 20

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.5.1 Chứng từ sử dụng	22
1.2.5.2 Tài khoản sử dụng	22
1.2.5.3 Phương pháp hạch toán	22
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.2.6.1 Chứng từ sử dụng	24
1.2.6.2 Tài khoản sử dụng	24
1.2.6.3 Phương pháp hạch toán	24
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	29
1.3.4 Hình thức kế toán trên Máy vi tính	30
1.3.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính	30
1.3.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	30
1.4. Một số điểm khác biệt giữa Thông tư 200 và Quyết định 48 trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	31
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐỨC LÂM	32
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm	32
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm	32
2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty	32
2.1.3 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	34
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán	34
2.1.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán	35
2.1.3.3 Hệ thống tổ chức sổ sách kế toán	36

2.1.3.4 Hệ thống tổ chức báo cáo kế toán.....	36
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm	36
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	36
2.2.1.1 Chứng từ sử dụng	36
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng	36
2.2.1.3 Quy trình hạch toán	37
2.2.1.4 Ví dụ minh họa	37
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại vận tải Đức Lâm	48
2.2.2.1 Chứng từ sử dụng.....	48
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng.....	48
2.2.2.3 Quy trình hạch toán.....	48
2.2.2.4 Ví dụ minh họa	49
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	56
2.2.3.1 Chứng từ sử dụng:.....	56
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng:	56
2.2.3.3 Quy trình hạch toán:	56
2.2.3.4 Ví dụ minh họa	57
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm	61
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng	61
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	61
2.2.4.3 Quy trình hạch toán.....	61
2.2.4.4 Ví dụ minh họa	62
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	67
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.	67
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng	67
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng	67
2.2.6.3 Quy trình hạch toán	67

CHƯƠNG 3.MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐỨC LÂM	77
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.	77
3.1.1 Ưu điểm	77
3.1.2 Tôn tại.....	78
3.2 Các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.	79
3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.....	79
3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH thương mại vận tải Đức Lâm.	80
3.2.2.1 Hoàn thiện về sổ sách kế toán:	80
3.2.2.2 Kiến nghị về ứng dụng phần mềm tin học vào công tác kế toán	84
3.2.2.3 Kiến nghị về sổ chi tiết theo dõi công nợ.....	87
* Biểu 3.3 - Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua (bán).....	88
* Biểu 3.5: Sổ chi tiết thanh toán với công ty TNHH Mạnh Hùng	91
3.2.2.4. Một số giải pháp khác	93
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu 12

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên 15

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ 16

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính..19

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh..... 21

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác..... 23

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh 25

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung 27

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- Sổ cái 28

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ 29

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính 30

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý công ty Đức Lâm 33

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại vận tải..... 35

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty 37

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán 48

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính..... 56

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh 61

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh 67

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh 68

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1 Hợp đồng vận chuyển số 30	40
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000683	41
Biểu 2.3: Giấy báo có của ngân hàng.....	42
Biểu 2.4 Hợp đồng vận chuyển số 39	44
Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT số 0000724	45
Biểu 2.6: Trích sổ nhật ký chung năm 2015	46
Biểu 2.7: Trích sổ cái tài khoản 511	47
Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT số 0000566	50
Biểu 2.9: Phiếu chi 21/10	51
Biểu 2.10:Phiếu kế toán 10/12	52
Biểu 2.11: Trích sổ nhật ký chung năm 2015	53
Biểu 2.12: Trích sổ cái tài khoản 154	54
Biểu 2.13: Trích sổ cái TK632.....	55
Biểu 2.14: Giấy báo có.....	58
Biểu 2.15: Trích sổ nhật ký chung năm 2015	59
Biểu 2.16: Trích sổ cái TK515.....	60
Biểu 2.17: Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 0039489.....	63
Biểu 2.18:Phiếu chi31/12	64
Biểu 2.19: Trích sổ nhật ký chung năm 2015	65
Biểu 2.20: Trích sổ cái TK 642.....	66
Biểu 2.21: Phiếu kế toán 25/12	69
Biểu 2.22:Phiếu kế toán 26/12	69
Biểu 2.23:Phiếu kế toán 27/12	70
Biểu 2.24:Phiếu kế toán 28/12	70
Biểu 2.25: Phiếu kế toán 29/12	71
Biểu 2.26: Trích sổ nhật ký chung năm 2015	72
Biểu 2.27: Trích sổ cái TK 911 năm 2015	73
Biểu 2.28: Trích sổ cái TK 821 năm 2015.....	74
Biểu 2.29: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.....	75
Biểu 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.....	81

Biểu 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015.....	83
Biểu 3.1 - Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người	88
Biểu 3.2 Mẫu bảng tổng hợp thanh toán với người mua (bán).....	89
Biểu 3.4 Bảng tổng hợp thanh toán với người mua năm 2015	91
Biểu 3.3: Sổ chi tiết thanh toán với công ty TNHH Mạnh Hùng	92

